

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI-ỦY BAN VẬT GIÁ
NHÀ NƯỚC
Số: 18/VGNN-GTVT/TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 1985

THÔNG TƯ

LIÊN BỘ ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

SỐ 18/VGNN-GTVT/TT NGÀY 29-6-1985 QUY ĐỊNH DANH MỤC

SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ DO ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC ĐƯỢC

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG ỦY QUYỀN QUYẾT ĐỊNH GIÁ VÀ BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUYẾT ĐỊNH GIÁ

Căn cứ Nghị định số 33-HĐBT ngày 27-2-1984 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Điều lệ quản lý giá; nay liên bộ quy định danh mục sản phẩm và dịch vụ do Ủy ban Vật giá Nhà nước và Bộ Giao thông vận tải quyết định giá như sau:

I- DANH MỤC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ DO BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI LẬP PHƯƠNG ÁN GIÁ TRÌNH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG QUYẾT ĐỊNH GIÁ

- Cước chuẩn vận tải hàng hoá của các ngành: vận tải đường sắt, vận tải ô tô, vận tải đường sông, vận tải đường biển.
- Cước chuẩn vận chuyên hành khách của các ngành: vận tải đường sắt, vận tải ô tô, vận tải đường sông, vận tải đường biển.
- Cước chuẩn vận tải hàng hoá và hành khách quá cảnh.
- Cước phí cảng biển chuẩn.
- Đại lý phí tàu ngoại vào các cảng Việt Nam.
- Cước vé tháng bán cho cán bộ, công nhân viên chức đi làm và học sinh đi học.
- Giá bán buôn vật tư các loại phương tiện vận tải: ô tô, đầu máy xe lửa, toa xe lửa, tàu thủy, xà lan và đầu kéo.
- Giá thiết bị toàn bộ sản xuất trong nước và nhập khẩu, tổng dự toán (trong luận chứng kinh tế kỹ thuật và trong thiết kế kỹ thuật) các công trình xây dựng quan trọng đặc biệt của Nhà nước theo các Điều 11 và 18 trong Nghị định số 232-CP ngày 6-6-1981 của Hội đồng Chính phủ.

9- Chiết khấu lưu thông vật tư toàn ngành (ngành hàng).

II- DANH MỤC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ DO ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC QUYẾT ĐỊNH GIÁ

1- Cụ thể hoá cước chuẩn vận tải hàng hoá của các ngành: vận tải đường sắt, vận tải ô tô, vận tải đường sông, vận tải đường biển mà Hội đồng Bộ trưởng đã quyết định.

2- Cụ thể hoá cước chuẩn vận chuyển hành khách của các ngành: vận tải đường sắt, vận tải ô tô, vận tải đường sông, vận tải đường biển mà Hội đồng Bộ trưởng đã quyết định.

3- Cụ thể hoá cước chuẩn vận tải hàng hoá và hành khách quá cảnh mà Hội đồng Bộ trưởng đã quyết định.

4- Cụ thể hoá cước phí cảng biển chuẩn mà Hội đồng Bộ trưởng đã quyết định.

5- Cước vận tải hàng hoá xuất nhập khẩu viễn dương đối với các chủ hàng nội địa.

6- Cước vận tải hàng hoá bằng thuyền đi trên sông loại I và loại II.

7- Kiểm kiện phí các tàu ngoại vào các cảng Việt Nam.

8- Thiết kế phí.

9- Đăng kiểm phí.

10- Đại lý phí vận tải.

11- Giá bán buôn xí nghiệp, giá bán buôn công nghiệp các phương tiện vận tải mà Hội đồng Bộ trưởng đã quyết định giá bán buôn vật tư tại điểm 7 mục 1 trong Thông tư liên bộ này.

12- Giá bán buôn (giá bán buôn xí nghiệp, giá bán buôn công nghiệp, giá bán buôn vật tư, giá bán buôn nhập khẩu và hàng xuất khẩu) các phương tiện vận tải và bốc xếp cơ giới (ngoài những thứ trong danh mục do Hội đồng Bộ trưởng quyết định giá).

13- Giá bán buôn xí nghiệp, giá bán buôn công nghiệp, giá bán buôn vật tư các phụ tùng chủ yếu của máy móc thiết bị phương tiện vận tải mà các xí nghiệp trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải sản xuất.

14- Giá bán buôn xí nghiệp, giá bán buôn công nghiệp, giá bán buôn vật tư các loại vật liệu xây dựng và cấu kiện bê tông đúc sẵn và bằng sắt thép phục vụ công trình giao thông như: đá các loại, các loại tà vẹt gỗ, tà vẹt bê tông, ghi đường sắt (của Tổng cục Đường sắt).